

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STP-NV5

Đắk Lắk, ngày tháng 11 năm 2025

V/v báo cáo công tác thi hành pháp luật
về XLVPHC năm 2025

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh¹;
- UBND các xã, phường.

Để kịp thời tham mưu UBND tỉnh báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2025 gửi Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp đề nghị các Sở, ngành và UBND các xã, phường báo cáo kết quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2025 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số vụ vi phạm hành chính do các chức danh có thẩm quyền xử phạt tại cơ quan, đơn vị mình và số vụ vi phạm chuyển Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định xử phạt (*Theo đề cương và biểu mẫu số 01*).

2. Các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh

Tổng hợp, báo cáo số vụ vi phạm hành chính do các chức danh có thẩm quyền xử phạt của các đơn vị quản lý theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh ra quyết định xử phạt và số vụ vi phạm hành chính chuyển Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định xử phạt (*Theo đề cương và biểu mẫu số 01*). Đối với Công an tỉnh cần tổng hợp, báo cáo thêm nội dung liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (*Theo biểu mẫu số 02*).

3. UBND cấp xã²

a) Báo cáo số vụ vi phạm hành chính do Chủ tịch UBND cấp xã ban hành theo thẩm quyền và số vụ vi phạm hành chính chuyển Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định xử phạt do vượt quá thẩm quyền (*Tổng hợp số liệu của các xã, phường, thị trấn trước khi họp nhất và số liệu của xã, phường sau họp nhất (nếu có)*).

¹ Công an tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh, Thuế tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Chi cục Hải quan khu vực XIV; Thi hành án dân sự tỉnh, Ngân hàng nhà nước khu vực 11; Bảo hiểm xã hội...

² Báo cáo theo đề cương và biểu mẫu số 1, số 2.

b) Số vụ vi phạm hành chính do Chủ tịch UBND cấp huyện (trước đây) xử phạt trên địa bàn quản lý hiện nay (*Bao gồm số vụ vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện và số vụ vi phạm hành chính do UBND cấp xã chuyển đến do vượt quá thẩm quyền từ ngày 15/12/2024 đến ngày 30/6/2025*).

c) Số hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên địa bàn cấp xã (*Tổng hợp số liệu của các xã, phường, thị trấn trước khi họp nhất và số liệu của xã, phường sau họp nhất (nếu có)*).

(UBND cấp xã không tổng hợp số vụ vi phạm hành chính của các cơ quan tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn cấp xã và số Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã ban hành theo đề nghị của các cơ quan tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn cấp xã).

4. Thời hạn chốt số liệu từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/12/2025.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Sở Tư pháp **chậm nhất ngày 16/12/2025**. Sở Tư pháp sẽ báo cáo UBND tỉnh xử lý trách nhiệm nếu các cơ quan, đơn vị gửi chậm hoặc không báo cáo làm ảnh hưởng tiến độ báo cáo chung của UBND tỉnh.

Rất mong nhận được sự quan tâm phối hợp của các cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, NV5_N.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Thị Hoa

CƠ QUAN³

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-.....⁴

.....⁵, ngày.... tháng.... năm....

BÁO CÁO

Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm.....

Thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm.....,.....⁶ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật

Nêu rõ tên, hình thức văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành: Công văn, Quyết định, Kế hoạch, Quy chế....

2. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Nêu rõ tên, hình thức văn bản quy phạm pháp luật trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền nhằm triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

3. Công tác phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính

- Nêu rõ các hình thức phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn: Hội thảo, hội nghị, đưa tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, biên soạn tài liệu, sách, sổ tay về xử lý vi phạm hành chính....

- Nêu rõ số lượng tin, bài; tài liệu; sách; sổ tay; cuộc hội thảo, hội nghị; số người/lượt người được phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ....

4. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

³ Tên của cơ quan lập báo cáo.

⁴ Chữ viết tắt tên của cơ quan lập báo cáo.

⁵ Địa danh ghi theo hướng dẫn về thể thức của Chính phủ.

⁶ Tên của cơ quan lập báo cáo.

- Công tác kiểm tra, kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: Nêu rõ việc có hay không ban hành kế hoạch kiểm tra; tổng số cuộc kiểm tra, kiểm tra liên ngành đã được tiến hành; kết quả của việc kiểm tra, kiểm tra liên ngành.

- Công tác thanh tra, phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: Nêu rõ việc có hay không ban hành kế hoạch thanh tra; tổng số cuộc thanh tra đã được tiến hành; kết quả của việc thanh tra, phối hợp thanh tra.

II. TÌNH HÌNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Tình hình vi phạm hành chính

Nhận xét, đánh giá chung, khái quát tình hình vi phạm hành chính; tình hình áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực/địa bàn quản lý.

2. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính

- Nhận xét chung về tình hình xử phạt vi phạm hành chính.

- Đánh giá, báo cáo thông tin, số liệu cụ thể về việc áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả; biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính; các loại hành vi vi phạm phổ biến trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

- So sánh sự tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước đối với các số liệu sau: Tổng số vụ vi phạm; tổng số đối tượng bị xử phạt; tình hình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tổng số tiền phạt thu được;.... *(Tất cả các số liệu quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP).*

3. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

- Nhận xét chung về tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

- So sánh sự tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước đối với các số liệu sau: Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính; số lượng người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình và giáo dục dựa vào cộng đồng; tình hình tổ chức thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính;.... *(Tất cả các số liệu quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)*

ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP).

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHỦ YẾU TRONG THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

(Từ thực tiễn công tác xử lý vi phạm hành chính trong kỳ báo cáo, cơ quan lập báo cáo đưa ra những nhận xét, đánh giá về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong công tác xử lý vi phạm hành chính).

1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định pháp luật

1.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

1.2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

2. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành

2.1. Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

a) Kinh phí; cơ sở vật chất, kỹ thuật

b) Tổ chức bộ máy, nhân sự

2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ

2.3. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm hành chính

2.4. Về việc báo cáo, thống kê

2.5. Về công tác kiểm tra, thanh tra

2.6. Những khó khăn, vướng mắc khác

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

3.1. Nguyên nhân chủ quan

3.2. Nguyên nhân khách quan

4. Đề xuất, kiến nghị

(Xuất phát từ những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong công tác xử lý vi phạm hành chính, cơ quan lập báo cáo đưa ra những kiến nghị, đề xuất về chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác xử lý vi phạm

hành chính, góp phần giảm thiểu và ngăn ngừa các vi phạm hành chính).

Trên đây là báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm, xin gửi⁷./.

Nơi nhận:

-....⁸;
- Lưu: VT,....

9

.....

⁷ Tên của cơ quan nhận báo cáo.

⁸ Tên của cơ quan nhận báo cáo.

⁹ Quyền hạn và chức vụ của người ký báo cáo.

Biểu mẫu số 01

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số:...../BC-....⁽¹⁰⁾ ngày...../...../2025 của⁽¹¹⁾)

STT	Cơ quan/đơn vị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Số vụ vi phạm							Đối tượng bị xử phạt						Quyết định xử phạt vi phạm hành chính						Số quyết định bị khiếu nại, khởi kiện	Tổng số tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính (đồng)					
		Số vụ chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự	Số vụ vi phạm hành chính						Tổng cộng số đối tượng bị xử phạt	Tổ chức	Cá nhân			Đối tượng khác (như hộ gia đình, hộ kinh doanh,...)	Tổng số quyết định xử phạt VPHC	Số quyết định đã thi hành	Số quyết định chưa thi hành xong					Số quyết định hoãn, miễn, giảm	Số quyết định bị cưỡng chế thi hành	Số tiền phạt đã thu được	Số tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền	Số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu	Các khoản tiền khác thu từ xử phạt VPHC
			Tổng cộng	Số vụ bị xử phạt vi phạm hành chính	Số vụ không ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý VPHC	Số vụ đã bị lập biên bản vi phạm hành chính nhưng chưa ra quyết định xử phạt VPHC	Số vụ do cơ quan có thẩm quyền hành tố tụng hình sự chuyển đến để xử phạt VPHC	Số vụ áp dụng biện pháp thay thế nhốt đối với người chưa thành niên			Tổng số đối tượng là cá nhân	Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)			
1	Chủ tịch UBND tỉnh																										
2	Chủ tịch UBND cấp huyện từ ngày 15/12/2024-30/6/2025))																										
3	Chủ tịch UBND cấp xã																										
4	Các chức danh có thẩm quyền thuộc các Sở, ngành																										

¹⁰ Chữ viết tắt của cơ quan lập báo cáo.

¹¹ Tên của cơ quan lập báo cáo.

[illegible]

Giải thích biểu mẫu số 01:

(*) Biểu mẫu này dùng để tổng hợp số liệu báo cáo về xử phạt vi phạm hành chính. Các số liệu xử phạt vi phạm hành chính được tính trong kỳ báo cáo, không tính lũy kế các số liệu xử phạt vi phạm hành chính từ năm trước (nếu có). Trường hợp một số liệu đáp ứng từ hai chỉ tiêu trở lên thì chỉ thực hiện thống kê 01 lần tại một chỉ tiêu.

(1) Chữ viết tắt tên của cơ quan lập báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập báo cáo.

* Cột (2) Ghi tên của từng cơ quan/đơn vị đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong kỳ báo cáo, cụ thể:

- Báo cáo của UBND cấp tỉnh: Ghi cụ thể tên của các UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh, tên của UBND cấp tỉnh và tên của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh có người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo;

- Báo cáo của UBND cấp xã: Ghi cụ thể tên của UBND cấp xã đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo;

- Báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước: Ghi cụ thể tên của cơ quan/đơn vị trực thuộc có người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo.

- Báo cáo của các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc (cơ quan ở cấp tỉnh): Ghi cụ thể tên của các cơ quan/đơn vị trực thuộc có người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo;

- Báo cáo của các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc (cơ quan ở cấp xã): Ghi cụ thể tên cơ quan/đơn vị đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo.

* Côt (4) = Côt (5) + Côt (6) + Côt (7) + Côt (8) + Côt (9)

* Côt (10) = Côt (11) + Côt (12) + Côt (15); Côt (12) = Côt (13) + Côt (14)

* Cột (16) = Cột (17) + Cột (18)

* Cột (20): Ghi tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị ban hành quyết định cưỡng chế thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật xử lý vi phạm hành chính).

* Cột (22): Ghi tổng số tiền phạt đã thu được từ các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong kỳ thống kê.

* Cột (24): Ghi tổng số tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu gồm tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

* Cột (25): Các khoản tiền khác thu từ xử phạt vi phạm hành chính, ví dụ: Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 28, Điều 37 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo quy định tại khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản tiền thu từ việc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính;...

Biểu mẫu số 02

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số:..../BC-UBND ngày....../2025 của UBND ...⁽¹²⁾)

STT	Biện pháp xử lý hành chính	Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị	Tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính	Tổng số người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình	Tổng số người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế giáo dục dựa vào cộng đồng	Kết quả thi hành các quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính						
						Tổng số đối tượng đang chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng đã chấp hành xong quyết định	Tổng số đối tượng được tạm đình chỉ chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được giảm thời hạn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được hoãn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được miễn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được miễn chấp hành thời gian còn lại
(1)	(2)	(3)	(4) = (7) + (8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Giáo dục tại xã, phường, đặc khu				-				-	-	-	
2	Đưa vào trường giáo dưỡng			-								
3	Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc			-	-							
4	Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc			-	-							

Giải thích biểu mẫu số 02:

(*) Biểu mẫu này dùng để tổng hợp số liệu báo cáo về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính. Các số liệu về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được tính trong kỳ báo cáo, không tính lũy kế các số liệu về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính từ năm trước (nếu có).

(1) Chữ viết tắt tên của cơ quan lập báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập báo cáo.

* Dấu “-” tại cột (5), (6), (10), (11), (12): Không áp dụng chỉ tiêu này đối với các biện pháp xử lý hành chính, có giá trị bằng 0.

* Cột (2): Ghi tên của từng cơ quan/đơn vị đã ban hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong kỳ báo cáo (tương tự biểu mẫu số 01).

* Cột (4) = Cột (7) + Cột (8). Trong đó, số liệu của cột (7), cột (8) đã bao gồm các trường hợp thuộc các cột (9), (10), (11), (12) và (13) tương ứng.

* Cột (5) Chỉ áp dụng đối với biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu

* Cột (6) Chỉ áp dụng đối với biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng.

* Cột (10), (11), (12) Chỉ áp dụng đối với các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

¹² Tên của địa phương lập báo cáo.

- * Báo cáo của UBND cấp tỉnh: Ghi đầy đủ số liệu (từ cột (3) đến cột (13)) đối với biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên địa bàn tỉnh.
- * Báo cáo của UBND cấp xã: Ghi đầy đủ số liệu (từ cột (3) đến cột (13)) đối với biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên địa bàn xã.
- * Báo cáo của Bộ Công an: Ghi đầy đủ số liệu (từ cột (3) đến cột (13)) đối với các biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn quốc.
- * Báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao: Ghi đầy đủ số liệu (từ cột (3) đến cột (13)) đối với các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và biện pháp thay thế giáo dục đưa vào cộng đồng đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn quốc.